

Bút ký Đồng bằng Sông Cửu Long - ngôn ngữ ký báo chí mang dấu ấn vùng miền đặc sắc của nhà báo Phan Quang

ThS. NGUYỄN THỊ THANH NGUYỄN

Trường Đại học Đồng Tháp; Email: nttnguyen@dthu.edu.vn.

Tóm tắt: Sau năm 1975, với sự đổi mới về nội dung, đề tài, hình thức, ký báo chí đã tạo nên một diện mạo mới cho nền báo chí cách mạng Việt Nam. Đây cũng chính là mạch nguồn cảm xúc chính để nhà báo Phan Quang viết bút ký về Đồng bằng sông Cửu Long, vùng đất cực Nam của Tổ quốc đầy tiềm năng và ngôn ngữ sức sống. Trong đó, mạch cảm xúc về vùng đất mới tác giả đã đi đến, trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu về lịch sử, địa lý, tiềm năng kinh tế được thể hiện bằng vốn ngôn ngữ đặc sắc. Nét đặc sắc ở đây chính là cách ông vận dụng nguồn dữ liệu thu thập được từ thực tế, số liệu về kinh tế, kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lý và chuyển tải nguồn dữ liệu vô cùng đa dạng và phong phú này vào tác phẩm. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương ngữ và ngôn ngữ báo chí. Chính điều này đã khóa lấp dần khoảng cách giữa kí với báo chí, nhưng vẫn phân định rạch ròi giữa kí báo chí và ký văn học.

Từ khóa: ký báo chí; Phan Quang; ngôn ngữ ký báo chí.

1. Đôi nét về tác phẩm ký Đồng bằng Sông Cửu Long

Trong quá trình vận động và phát triển, với sự đổi mới cả nội dung và hình thức nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin ngày càng cao của công chúng, nhà báo luôn tìm tòi những hình thức mới để vượt qua khỏi cái khung của lối văn thông tấn khuôn mẫu, mà vẫn đảm bảo được tính xác thực, tính thời sự, hấp dẫn của nội dung được phản ánh. Sự ra đời và phát triển của ký báo chí đã đáp ứng được nhu cầu đó. Các tác phẩm ký báo chí của nhà báo Phan Quang hấp dẫn độc giả bởi sự sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, mang màu sắc văn hóa, giàu tính nghệ thuật, song vẫn giữ được đặc tính thông tin xác thực của báo chí. Bên cạnh những số liệu thu thập để tăng phần thuyết phục và vận dụng kĩ năng thông tin báo chí vào trong tác phẩm ký, cùng với sự phối hợp nhuần nhuyễn vốn ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh đã tạo nên sức hút đặc biệt cho các tác phẩm trong bút kí Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong bút ký ông đã khéo léo vận dụng ngôn ngữ và hình ảnh trong ca dao, tục ngữ, ngôn ngữ địa phương, ngôn ngữ đời thường, từ ngữ chuyên ngành kinh tế, địa lý, lịch sử và xã hội. Khảo sát các tác phẩm cho thấy, dù trong bất kỳ tác phẩm nào, nhà báo Phan Quang đều lựa chọn ngôn ngữ một cách cẩn trọng, linh hoạt nhưng vẫn

giữ được nét đặc trưng khu biệt của ngôn ngữ báo chí.

Bút ký Đồng bằng Sông Cửu Long của nhà báo Phan Quang viết về cuộc sống hiện đại đang thay da, đổi thịt từng ngày sau chiến tranh để chuyển mình phát triển và hội nhập. Trong quá trình ấy, với nguồn dữ liệu phong phú từ cuộc sống đời thường, người thật, việc thật, có sự chuyển mình thay đổi để phát triển nhưng vẫn giữ được sợi dây gắn kết mạch nguồn của lịch sử các thời kì, có hào hùng lẫn bi tráng, có đau thương lẫn chiến thắng để làm điểm tựa cho sự tiếp nối và phát triển của ngày hôm nay. Với ngôn từ giàu hình ảnh, trong sáng, có khi dí dỏm với cách ví von vừa mang tính trí tuệ, vừa mang tính triết lí. 14 bài ký như là một thước phim sống động, mang hơi thở cuộc sống, thực tế nhưng vẫn nhẹ nhàng, tinh tế, như các tác phẩm: *Dải đất đa dạng ẩn giấu nhiều bí tàng của trời đất; Cửu Long sông Mẹ và những tặng phẩm của thiên nhiên; Vùng lúa hình thành qua nước mắt và mồ hôi; Ruộng và người làm ruộng; Trong cánh lúa đầy đồng, cá đầy ruộng; Một vùng đầy trái ngược; Qua những tên đất, tên sông; Nghĩ về tính cách con người*.

Tập bút ký Đồng bằng Sông Cửu Long dày gần 500 trang là một công trình lao động nghiêm túc, đầy trách nhiệm. Khi miêu tả vùng đất này, tình cảm của

Phan Quang đặt dào: *□Sông Cửu Long. Đồng bằng sông Cửu Long. Những tiếng quen thuộc ấy từ lâu vang trong lòng mỗi người Việt Nam chúng ta không chỉ như một dòng sông lớn, một châu thổ màu mỡ đầy trái ngọt hoa thơm và quanh năm rực rỡ ánh mặt trời. Đồng bằng sông Cửu Long là Nam Bộ thân yêu, Nam Bộ anh hùng, là miền Nam thành đồng Tổ quốc, là phần đất đi trước về sau, thường xuyên có mặt trong mỗi tâm hồn Việt Nam□ □⁽¹⁾.*

2. Ngôn ngữ báo chí kết hợp cùng phương ngữ Nam Bộ - tạo nên bút ký đặc sắc, sinh động, đậm dấu ấn Đồng bằng Sông Cửu Long

Ngôn ngữ hình thành từ cuộc sống và phản ánh cuộc sống của từng địa phương khác nhau về kinh tế, văn hóa. Ở Việt Nam, chủ yếu có ba vùng phương ngữ chính: phương ngữ Bắc (Bắc Bộ), phương ngữ Trung (Bắc Trung Bộ), phương ngữ Nam (Nam Trung Bộ và Nam Bộ). Từ địa phương là những từ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định. Điều này phân biệt với từ toàn dân là những từ được sử dụng phổ biến và thống nhất trong toàn thể nhân dân. Với các tác giả, việc thể hiện hình bóng văn hóa với một vùng đất, xứ sở trên trang viết là một trong những cách thể hiện nghĩa tình đối với mảnh đất mà họ yêu thương. Cùng với đó, việc sử dụng phương ngữ nơi mình đã đi qua, gắn bó, trải nghiệm làm ngôn ngữ biểu đạt vừa làm phóng phú thêm ngôn ngữ dân tộc, vừa tạo nên nét độc đáo trong phong cách sáng tác của tác giả. Nhà báo Phan Quang sáng tạo và sử dụng nhiều từ ngữ gây ấn tượng với công chúng, tạo ra cảm giác mới lạ, hấp dẫn độc giả.

Lớp từ ngữ địa phương này thể hiện sự hồn hậu, trù phú về mảnh đất và con người miền Tây sông nước. Điều này cho thấy vốn sống đa dạng của tác giả qua cách thể hiện rất chân thực, chuyên tài nhẹ nhàng từ ngữ địa phương, góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa của một vùng miền. Tác giả miêu tả về mùa hạn hán của vùng bằng từ ngữ rất gợi hình *□cánh đồng khát nước□⁽²⁾ thay cho □thiếu nước□ hay □hạn hán□, đặt trong ngữ cảnh □Cánh đồng khát nước. Cây cỏ đòi nước. Súc vật thèm nước. Đến con người cũng khát khoải mong chờ những trận mưa đầu mùa để có được những gáo nước mát lạnh. Có những vùng, suốt mấy tháng mùa khô, người dân bình thường không tắm rửa bằng nước ngọt: đây là*

một sự xa xỉ không mấy ai dám mơ ước□⁽³⁾, với những từ ngữ đời thường, được dùng phổ biến trong giao tiếp của người dân Nam bộ. Từ □khát, đòi, thèm□ được linh hoạt đưa vào văn bản vừa thể hiện sự am hiểu, gần gũi với đời sống con người nơi đây, vừa thể hiện sự phong phú trong việc lựa chọn từ ngữ.

Trong bút ký Đồng bằng Sông Cửu Long, chúng ta có thể thấy, Phan Quang sử dụng dày đặc ngôn ngữ Nam bộ trong đời sống thường nhật của người dân nơi đây, như: *□chiếc dao quắm rộng bản, tra cán dài của quân Nguyễn Huệ□⁽⁴⁾; □Đến rẻo tốt cùng, truyền thống ấy bằng bạc chung quanh□⁽⁵⁾; □ngoảnh mặt□; □Bến Tre xứ dừa□; □Miệt trên□; □Miệt dưới□; □Miệt Đồng Tháp□; □Miệt Cao Lãnh□; □Mùa đày□(chỉ tháng 10 âm lịch, nước lớn cá về của vùng đồng bằng); □muối mòng, kiến, mọt, mối, rần, rít, đĩa, vắt, tha hồ sanh sôi nảy nở□; □đau ruột, đau gan□⁽⁶⁾□ Đây là một vài ví dụ điển hình về việc vận dụng phương ngữ vào tác phẩm. Quả thực, nếu chỉ đọc qua tác phẩm, độc giả khó có thể tin được đây là nhà báo miền Bắc, lần đầu rong ruổi khắp các *□rẻo đất□* Nam bộ, từ vùng biên giới Tây Nam Tân Châu - Hồng Ngự đến cùng trời đất mũi Cà Mau.*

Gần như những đặc trưng về văn hóa, lối sống, lời ăn tiếng nói của người miền Nam đã đi sâu vào tác phẩm, nhưng không có nghĩa là thông tin bị mang tính chủ quan. Khi nói về cộng đồng người Hoa tại miền Nam, ông khéo léo kết hợp nhóm từ ngữ của người Hoa như *□Nói đến lịch sử làm giàu của giai cấp tư sản Hoa, người ta thường kể về lai lịch một số tên giàu sụ xuất thân từ những nghề nghèo, khổ: mua đồng nát, bán tào phớ□ □Đó là những thực tế. Quả là có chủ Hỏa bắt đầu sự nghiệp bằng bán phá sang (lạc rang), có Quách Đàm mà phương tiện kinh doanh đầu tiên là đôi sọt thua mua ve chai đồng nát, có anh chàng buôn gạo tình lẻ về sau trở thành một vua lúa gạo của nước cộng hòa Mỹ-Thiệu.□⁽⁷⁾. Chúng ta dễ dàng nhận thấy một số từ ngữ đậm đặc nét văn hóa xã hội đặc trưng của cộng đồng người Hoa như *□giàu sụ□, □tào phớ□, □phá sang□, □chủ hỏa□. Từ □cộng hòa Mỹ - Thiệu□ là cách nói nôm na trong xã hội đề chỉ về chế độ cũ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu với sự trợ giúp của Mỹ trước ngày thống nhất**

đất nước. Như cách ông lý giải về nguồn gốc và sự hòa nhập của người Hoa vào cộng đồng người Việt như: *“Như vậy, thoạt tiên chỉ là sự thay đổi về thủ tục. Nhưng sau hai mươi năm, đến ngày đất nước ta hoàn toàn giải phóng, việc người Hoa trở thành công dân Việt Nam, đã là một thực tế lịch sử. Hòa vào cộng đồng dân tộc, những người lao động gốc Hoa cũng chịu sự bóc lột của giai cấp tư sản, cũng chịu đựng những đau khổ vô biên do chiến tranh xâm lược của Mỹ gây nên, như mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác”*⁽⁸⁾, ông dùng từ *“thoạt tiên”* thay cho từ *“đầu tiên”* mang tính phổ thông, để thể hiện sự am hiểu khi vận dụng kiến thức về văn hóa, lịch sử vào tác phẩm *“Tư sản Hoa kiều và sự lũng đoạn của họ đối với nền kinh tế miền Nam”*

Trong bài *“Đầy đất đa dạng ẩn giấu nhiều bí tàng của đất trời”*, chỉ đề miêu tả về các đặc điểm của hình thái vận động của nguồn nước, mà tác giả đã sử dụng nhiều tên gọi mang đặc trưng riêng: *“Về vùng này, vốn ngôn ngữ của ta sẽ giàu thêm nhiều từ mới đầy hình tượng: nước nổi, nước chụp, nước giặt, nước quay, nước son”*⁽⁹⁾.

Bên cạnh đó, những bài ca dao, điệu hò, những bài thơ về địa danh vùng miền cũng được ông vận dụng tinh tế và nhuần nhuyễn vào các tác phẩm. Trong tập bút ký *Đồng bằng sông Cửu Long*, có tất cả 14 bài ký thì đã có 7 bài (chiếm tỉ lệ 50%) được tác giả dẫn chứng, ví dụ, trích dẫn ca dao, điệu hò, những bài thơ có nội dung liên quan. Khi nói về địa danh Gò Công và trận bão lịch sử, ông trích dẫn ca dao: *“Khi hậu hiền hòa không có nghĩa là không có biến động. Thế kỷ 20 mới, chứng kiến một trận bão to đổ vào Nam Bộ, kèm theo sóng thần, gây thiệt hại lớn và để lại ấn tượng hãi hùng trong kí ức nhân dân. Đây là trận bão năm Giáp Thìn (1904). Riêng ba xã ven biển Gò Công, có tới năm nghìn người thiệt mạng:*

*Gặp mặt em đây mới biết em còn
Hồi năm Thìn bão lụt, anh khóc mòn con người.
và:
Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc
Gió nào độc bằng gió Gò Công
Một trận đông phong xiêu vợ lạc chồng,
Em nằm nghĩ lại, nước mắt hồng sương rơi.”*⁽¹⁰⁾
(Đầy đất đa dạng ẩn giấu nhiều tàng bí của đất trời).
Hoặc như trong bài *“Nghĩ về tính cách con*

người”, Phan Quang viết và lý giải: *“Nghe câu ca dao Cà Mau, ta mừng tượng trưng cách ăn mặt của các cụ, các bà ngày trước.*

Áo đơm năm nút không màng.

Thương cô áo chẹt, và quàng nửa lưng.

Không thương cô có hột vàng

Thương em chiếc áo và quàng năm thân

Chiếc áo và quàng, miền Trung gọi là áo và vai, áo nổi lưng, và chắc có gốc gác từ chiếc áo từ thân ngoài Bắc.”⁽¹¹⁾

Đặc sắc hơn, nhà báo Phan Quang còn dành hẳn một bài ký để nói về nét văn hóa độc đáo - điệu hò Nam Bộ trong bài *“Câu hò lượn lắt”*. Ngay ở tiêu đề, tác phẩm đã gợi nên sự tò mò về một vùng đất Nam Bộ đa dạng ẩn giấu nhiều bí tàng. Bài ký là sự hoài niệm về nét văn hóa đã dần phai mờ theo nhịp điệu phát triển của kinh tế, xã hội, như chính tác giả nhận định *“Tuy đã nhiều lần qua lại trên đồng bằng sông Cửu Long, chưa lần nào tôi được bắt chợt nghe một giọng hò hồn nhiên, bộc phát trong khung cảnh thiên nhiên, cho dù biết chắc, với sông nước này, với nhịp điệu lao động này, không thiếu những điệu hò gợi cảm. Hay là nó vẫn tồn tại ở đâu đây mà cuộc sống bận rộn hàng ngày chưa cho mình được dịp thưởng thức? Tôi đành lục tìm các câu hò qua những công trình nghiên cứu, sưu tầm, qua đó hình dung một nét sinh hoạt dân gian và thưởng thức giá trị văn học của nó.”*⁽¹²⁾ Như lời tác giả, thì những điệu hò được trích dẫn trong bài ký này là *“tiêu biểu điệu hò ở các miệt thuộc đồng bằng sông Cửu Long”*⁽¹³⁾, trong đó có điệu hò mang tính chất vùng miền như Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, sông Vàm Cỏ, Bạc Liêu hay điệu hò quang bắt, hò đối đáp, với những câu hò chất phác, ít trau chuốt như chính nét tính cách chất phác, hồn hậu của con người sông nước miền Nam:

“Anh đi em một ngó chừng

Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng sâu.

Sông dài con cá lội biệt tăm

Phải duyên chồng vợ ngàn năm cũng chờ.

□

Bầu ghe đóm đậu sáng ngời

Lỡ duyên tại bậu, trách trời sao nên.

Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi

Kéo khuất bóng bầu anh bắc em nam.”⁽¹⁴⁾

Tác giả Phan Quang cũng tôn trọng những ngôn từ địa phương độc đáo. Trong tác phẩm *“Làm quen với những người anh em”*, tác giả miêu tả đám cưới của dân tộc Kơ-me: *“Đám cưới khởi hành từ nhà trai theo ngày giờ tốt do a-cha-pơ-li-a ấn định. Đến nhà gái, họ trai chưa được vào cổng ngay vì vấp phải dây bon căng sẵn. Hai ma-ha phải đến xin phép mê-ha bên nhà gái cho mở dây”*⁽¹⁵⁾. Theo tiếng Kơ-me, a-cha-pơ-li-a là chủ hôn, ma-ha là người mai mối bên nhà trai.

Ha, Phan Quang đã tài tình khi kết hợp nhuần nhuyễn phương ngữ và các kiến thức sâu rộng về kinh tế, địa lý, lịch sử, văn hóa vào từng bút ký, đem lại nội dung khách quan, dẫn chứng cụ thể, sinh động và đầy ắp thông tin. Các bài trong bút ký đều có những con số với tiếng nói khách quan, giàu sức thuyết phục qua khảo sát, thống kê, tra cứu. *“Hợp nhất từ hai tỉnh Long An và Kiến Tường cũ sau khi nước nhà thống nhất, tỉnh Long An rộng 4355 ki-lô-mét vuông, dân số 1075 nghìn người. Một điểm đáng chú ý: Tỉnh đồng bằng gần bằng thành phố Hồ Chí Minh hơn cả lại là tỉnh chiếm phân nửa Đồng Tháp Mười, căn cứ địa nổi tiếng trong kháng chiến chống Pháp và có một trăm mười ki-lô-mét biên giới chung với Cam-pu-chia”*⁽¹⁶⁾ (bài *“Dây đất đa dạng ẩn giấu nhiều bí tàng của trời đất”*).

Trong bài *“Vùng lúa hình thành qua nước mắt và mồ hôi”*, Phan Quang đã đưa vào bài bút ký cả bảng số liệu nhận xét cụ thể về thời gian và khối lượng, diện tích canh tác, diện tích tăng thêm của vùng trồng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1880-1930. Hay, cụ thể hơn là số liệu: *“Từ cuối thế kỷ trước cho đến cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra vào cuối những năm hai mươi của thế kỷ này, sản xuất nông nghiệp ở Nam Bộ có những biến đổi lớn. Năm 1880, tổng sản lượng thóc của Nam Bộ ước tính 65 vạn tấn, xuất khẩu 30 vạn tấn. Nửa thế kỷ sau, năm 1928, sản xuất được 2.750.000 tấn và xuất khẩu 1.900.000 tấn”*⁽¹⁷⁾. Không những đưa ra những số liệu về nền kinh tế ở hiện tại, ông còn nêu số liệu khảo cứu về kinh tế, địa lý, xã hội, dân số của thế kỷ trước để có tiền đề lí giải cho sự phát triển nền kinh tế vùng ở hiện tại một cách đầy khoa học và khách quan.

Các lớp từ chuyên ngành về khoa học cũng được

ông vận dụng vào bút ký của mình để tăng phần hấp dẫn thông tin với cách nhìn đa chiều, thể hiện sự am hiểu sâu sắc về vùng đồng bằng sông nước đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, các số liệu, con số hiện hữu, cụ thể, có căn cứ khoa học được sử dụng để viết về một vùng đất giàu tiềm năng phát triển như: *“Các nhà địa lý học chia châu thổ sông Cửu Long thành thượng châu thổ và hạ châu thổ”*⁽¹⁸⁾; *“Các nhà nông học và thổ nhưỡng học thì phân chia đồng bằng theo các nhóm đất. Quan trọng và có giá trị kinh tế hơn cả là đất phù sa cho sông Tiền, sông Hậu và các nhánh sông khác nhau tạo nên, chiếm diện tích khoảng 1.793.500 héc-ta; đất mặn ven bờ biển khoảng 319.900 héc-ta; đất phèn trải trên diện tích 1.189.000 héc-ta, trong đó 562 nghìn héc-ta bị phèn nặng; ngoài ra có hơn 25.500 héc-ta đất màu ven sông và các nhóm đất khác diện tích không lớn lắm”*⁽¹⁹⁾.

Với các ví dụ trên, chúng ta có thể thấy, lớp từ địa phương được sử dụng và kết hợp nhuần nhuyễn với nhóm từ về thông tin kinh tế, địa lý, lịch sử, văn hóa trong các tác phẩm kí báo chí của nhà báo Phan Quang đã tạo giá trị biểu đạt cao.

3. Kết luận

Ngôn ngữ trong tác phẩm ký báo chí Đồng bằng sông Cửu Long của tác giả Phan Quang là sự đan cài nhuần nhuyễn, khéo léo của nhiều hình thức ngôn ngữ, làm nên sự đa dạng, giàu có trong cách diễn đạt. Hình ảnh con người, cuộc sống của miền Tây sông nước hồn hậu được miêu tả sống động và gọi lên nhiều cảm xúc thẩm mỹ đặc sắc nhưng vẫn thể hiện được đặc trưng thông tin báo chí, khách quan, sinh động, vừa mang dấu ấn riêng của tác giả, vừa đậm nét khu biệt thể loại ký báo chí. Ngôn ngữ được ông chắt lọc, lựa chọn vừa mang nét đặc trưng riêng của vùng miền, vừa phù hợp với đối tượng được đề cập trong bài, đậm chất thẩm mỹ, đơn giản nhưng chuẩn mực, mang phong cách của một trí thức uyên bác./.

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19) Phan Quang (2002). *Bút ký Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Trẻ, tr.23, 27, 27, 43, 43, 56, 166, 157, 26, 63, 415, 379, 379, 395, 356, 30, 129, 56, 57.